

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI VÀ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

□ **DƯƠNG NGỌC MINH**
(Giám đốc Công ty Chế biến
Thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương)

Chỉ thị 254 ngày 7.7.1990 do Hội đồng Bộ trưởng ban hành nhằm tăng cường quản lý ngoại hối đã tạo điều kiện trung dụng ngoại tệ mạnh để nhập nguyên liệu, vật tư cần thiết phục vụ cho sản xuất trong nước. Nhưng cho đến nay, mục tiêu trên chưa được quán triệt và thực thi có kết quả là do những nguyên nhân sau:

1. Nhà nước mua ngoại tệ không được thỏa đáng với mức giá chênh lệch thấp hơn từ 5% đến 10% so với giá ngoại tệ trên thị trường của từng thời điểm. Mặt khác, các cơ sở tạo ngoại tệ phải vay vốn sản xuất với lãi suất cao, cộng với một số nghĩa vụ như thuế... phải tính vào chi phí làm tăng giá thành sản phẩm. Điều này phản ánh sự thật là lãi suất thực tế của các cơ sở tạo ngoại tệ phải chịu đối với Ngân hàng Nhà nước trong một chu kỳ sản xuất tạo ngoại tệ (nếu tính cả phần lãi suất vốn vay và phần chênh lệch do giá bán ngoại tệ) là khá cao. Đây là nhân tố bất hợp lý, lâu nay làm hạn chế hiệu quả kinh doanh của các đơn vị xuất khẩu.

2. Do Ngân hàng Nhà nước không đủ vốn cho vay sản xuất nên các đơn vị đã buộc phải vay nợ nước ngoài dưới dạng hàng hóa, theo hình thức Barter - hàng đổi hàng, để có vốn tự xoay sở. Tình hình thiếu vốn hoạt động đã khiến các đơn vị phải hoạt động trong những điều kiện khó, thậm chí phải chấp nhận bán hàng với giá non cho khách hàng.

3. Hiện nay, Vietcombank đóng vai trò thanh toán quốc tế và cho vay trong sản xuất, thực hiện chức năng thu mua ngoại tệ do Nhà nước giao. Tuy nhiên, vẫn chưa có hệ thống ngân hàng chuyên doanh phục vụ xuất nhập khẩu để thu mua ngoại tệ. Do vậy, các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu phải vay vốn ở nhiều ngân hàng làm cho tình hình quản lý vốn vay càng thêm phức tạp, khả năng của các bất trắc trong kinh doanh chưa có cơ chế kiểm soát.

Các nguyên nhân cơ bản trên đã hạn chế hiệu quả của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và việc quản lý ngoại hối của Nhà nước. Để góp phần phát triển hoạt động xuất nhập khẩu, tăng cường quản lý ngoại hối, Nhà nước ta cần có một chính sách quản lý mềm, vừa thỏa mãn các nhu cầu của xã hội, vừa góp phần phát triển sự nghiệp các đơn vị xuất nhập khẩu.

Chúng tôi có một số đề nghị sau:

1. Cần tổ chức một hệ thống ngân hàng chuyên doanh phục vụ xuất nhập khẩu tại các tỉnh, thành phố lớn. Ngân hàng này chuyên trách các dịch vụ thanh toán và đầu tư cho vay trong ngành xuất nhập khẩu. Các đơn vị kinh tế xuất nhập khẩu có nhu cầu vốn đầu tư phải thông qua một ngân hàng để tiện việc quản lý các khoản tín dụng và hiệu quả

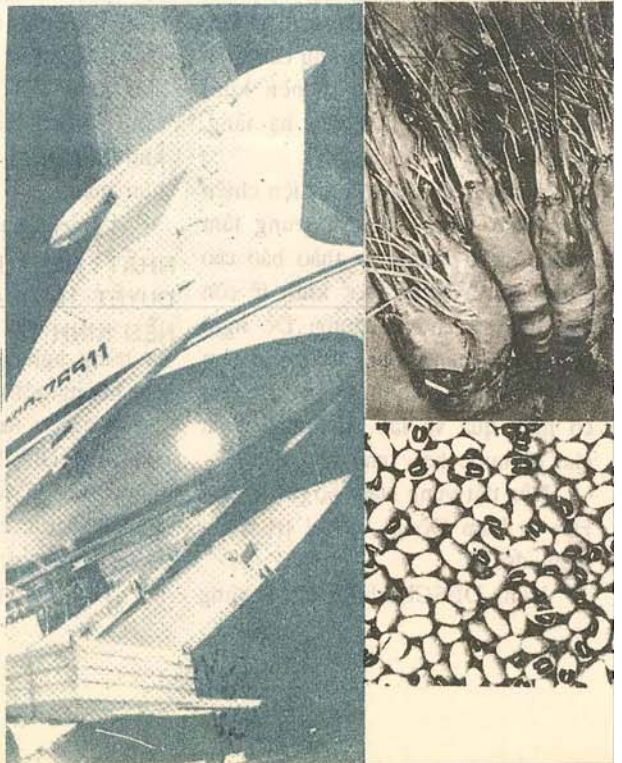
của vốn vay. Các đơn vị vay bằng tiền đồng Việt Nam phải thanh toán lại bằng đồng ngoại tệ theo giá mua của Nhà nước. Lãi suất các khoản tín dụng này là 1% mỗi tháng, tính bằng tiền đồng Việt Nam.

Cơ chế cấp vốn qua các khoản tín dụng của hệ thống ngân hàng chuyên doanh xuất nhập khẩu như trên sẽ có các lợi ích sau:

- Một là ngân hàng sẽ giám đốc được các khoản tín dụng cho vay thông qua cơ chế vay bằng tiền đồng Việt Nam - trả bằng ngoại tệ từ một ngân hàng chuyên doanh, qua đó, bớt đi một số đơn vị không đủ lực về kinh doanh, mua bán lòng vòng, không có quan hệ kinh tế với các đơn vị nước ngoài.

- Hai là các đơn vị tạo ngoại tệ sẽ được đầu tư vốn kịp thời và phát huy có hiệu quả các khoản tín dụng được vay.

2. Đối với một số đơn vị nhập khẩu không có xuất khẩu, phải mua ngoại tệ lại của ngân hàng để nhập vật tư phục vụ sản xuất, ngân hàng bán lại ngoại tệ theo khung giá nhà nước và tính thêm vào tỷ lệ mất giá của đồng bạc Việt Nam thành giá bán thực tế. Tương tự, giá mua ngoại tệ của ngân hàng đối với các cơ sở tạo ngoại tệ có tính thêm tỷ lệ mất giá của đồng bạc Việt Nam. Như thế, việc mua bán ngoại tệ thông qua ngân hàng sẽ theo một khung giá thỏa đáng,



không gây thiệt hại cho các đơn vị bán hoặc mua lại ngoại tệ.

3. Việc quản lý ngoại hối và thu mua ngoại tệ dưới dạng kiều hối cần có chính sách ưu đãi để động viên người bán và người mang ngoại tệ về cho đất nước. Chính sách khuyến khích thông qua giá mua ngoại tệ có thể căn cứ vào hai yếu tố để động viên như sau:

-Giá mua ngoại tệ chuyển khoản phải cao hơn tiền mặt 1%. Vì giá ngoại tệ chuyển khoản các cơ sở xuất khẩu và đồng ngoại tệ thu về từ sản xuất xuất khẩu đã phải chịu các nghĩa vụ với Nhà nước như thuế...

-Giá mua ngoại tệ bằng tiền mặt cần phù hợp với tình hình thị trường để kích thích được người tiêu xài. Đây là khoản ngoại tệ mang tính chất dịch vụ nhỏ. Nhân đây, chúng tôi đề nghị có khoản thuế thu nhập đối với dạng tiền gởi của người định cư ở nước ngoài cho thân nhân ở trong nước. Theo thông lệ, các hình thức tiền gởi, quà biếu... cho thân nhân, bạn bè, các hội, đoàn trong nước đều xuất phát từ tình cảm gia đình, tình quê hương, nghĩa lòng báo. Việc áp dụng hình thức thuế thu nhập vào đây sẽ tác động làm chùn tay người gởi tiền ở nước ngoài và tạo điều kiện cho việc chuyển ngân lưu phát triển. Thay vào đó, nên chăng áp dụng một số hình thức huy động thích hợp để động viên người thợ hưởng các khoản thu nhập này đầu tư vào các hoạt động kinh tế ích nước lợi nhà.

Tóm lại, trong một nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường, người ta có thể tìm thấy các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kinh doanh và các quan hệ kinh tế thông qua hoạt động thị trường. Một ngân hàng chuyên doanh xuất nhập khẩu với cơ chế thích nghi với hoạt động thị trường, có cung cách cấp vốn vay nhằm tạo ra ngoại tệ từ hoạt động xuất khẩu sẽ góp phần tăng cường quản lý ngoại hối, phát triển sản xuất trong nước, từ đó mà giúp cho ngành ngoại thương ngày dần một số đơn vị không có khả năng sản xuất kinh doanh tạo ra ngoại tệ, mua bán lòng vòng, đồng thời tránh được các hình thức vay vốn dưới dạng nâng đỡ hàng có thể gây ảnh hưởng xấu đến thị trường trong nước.

DNM.

VẤN ĐỀ ÁP DỤNG THUẾ TRỊ GIÁ GIA TĂNG TẠI VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH HIỆN NAY

□ LG. HOÀNH SƠN VÀ VĂN CHẤN

Như chúng ta đã biết thuế tính trên hàng nhập khẩu mặt dịch và phí mặt dịch chỉ đem lại những số thu có tính chất nhất thời và bấp bênh. Thuế nội địa mới chính là nguồn tài nguyên chắc chắn và bền vững để tài trợ công phí của nhà nước. Do đó, Thuế nội địa đóng một vai trò quan trọng trong nền tài chính xứ sở. Tại nhiều nước chậm phát triển, trung bình thuế nội địa cung cấp trên 50% chi tiêu cho ngân sách nhà nước. Nhưng với Việt Nam, trong những năm gần đây, tỷ lệ tài trợ Ngân sách của thuế nội địa chưa khít lắm và chỉ đạt một tỷ trọng tương đối là 58%.

Trước các nhu cầu lớn lao về công chi, tình trạng thất thu các nguồn tài nguyên hiện đã làm cho ngân sách nhà nước luôn bị khiếm hụt. Như hiện nay cả nước chưa quản lý 43% số hộ còn lại chủ yếu là hộ quá nhỏ. Để giảm dần tính cách khiếm hụt, nhằm thể hiện mục tiêu tự lực tự cường, hệ thống thuế cần phải được Hội đồng Nhà nước trình Quốc hội duyệt xét lại. Mục tiêu của công cuộc cải tiến hệ thống thuế là phải tăng tiến và hữu hiệu hóa bộ máy hành thu để tận thu đúng mức hầu gia tăng tài nguyên cho ngân sách nhà nước đồng thời tạo sự công bằng và hợp lý đối với nhân dân trong việc đóng góp để xây dựng và phát triển đất nước.

Hệ thống thuế phải bao quát hết các nguồn thu cần thiết và có thể khai thác cho ngân sách nhà nước đối với mọi hoạt động kinh doanh, mọi nguồn thu nhập, mọi tiêu dùng xã hội. Phải đề cao ý thức tự nguyện, tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của mọi tổ chức, mọi cá nhân, phần đầu bảo đảm yêu cầu, động viên vào ngân sách nhà nước từ 23% đến 25% thu nhập quốc dân sản xuất trong những năm trước mắt theo



nghị quyết của Quốc hội trong các kỳ họp gần đây.

Trong chiều hướng nói trên, việc nghiên cứu một hệ thống thuế coi là tiến bộ, giản dị, công bằng và hiệu quả hiện được áp dụng rất thịnh hành tại một số nước Âu châu như Đan Mạch, Pháp, Đức, Hòa Lan, Luxemburg, Bỉ và một số nước khác như Thụy Điển, Anh, Hung-ga-ri, Trung Quốc... xét ra rất cần thiết.